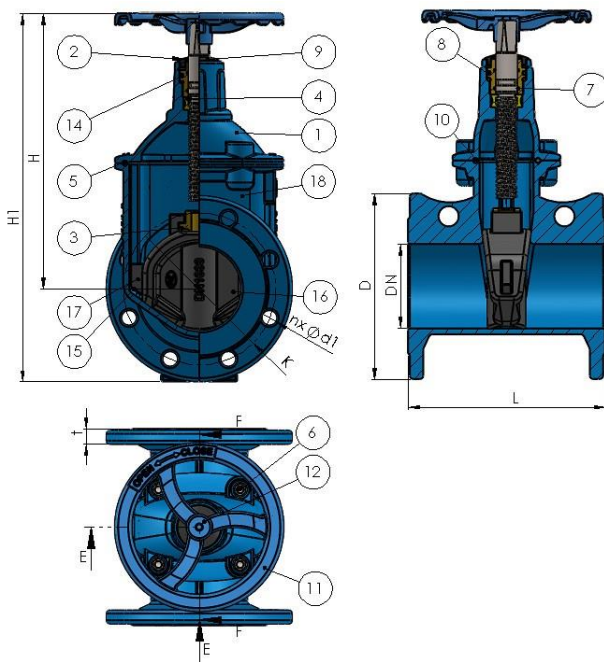




- **Đường Kính:** DN50 – DN300
- **Tiêu chuẩn Sản Xuất:** TCVN9445:2013/ ISO 7259:1988
- **Tiêu chuẩn quản lý sản xuất:** ISO 9001:2015
- **Kiểu kết nối mặt bích:** EN1092-2 PN10/16
BS 4504 PN10/16
- **T/C độ dài 2 mặt bích:** BS EN558-3
- **Lớp phủ:** Sơn phủ Epoxy 2 mặt trong ngoài theo tiêu chuẩn AWWA C550-2001, độ dày $\geq 250\mu\text{m}$
- **Gioăng cao su:** Theo ISO 4633:2015
- **Áp lực làm việc:** PN10
- **Nhiệt độ làm việc:** Cao nhất 70°C



❖ CẤU TẠO VAN



STT	Chi tiết	Vật liệu
1	Nắp van	Gang cầu GJS-500-7
2	Trục van	Thép không gỉ SS420
3	Ren đĩa van	Đồng thau
4	Vòng ôm cổ trục	Đồng thau
5	Bạc ren cổ trục	Đồng thau
6	Bulong	SUS304
7	Gioăng phốt	Cao su (EPDM)
8	Gioăng phốt	Cao su (EPDM)
9	Vòng đệm	Cao su (EPDM)
10	Đệm thân	Cao su (EPDM)
11	Tay quay	Gang cầu GJS-500-7
12	Bulong tay quay	Thép không gỉ
13	Vòng đệm	Thép không gỉ
14	Đệm giữ bạc	Thép
15	Lõi đĩa van	Gang cầu GJS-500-7
16	Lớp phủ đĩa van	Cao su (EPDM)
17	Má đĩa van	Nhựa POM
18	Thân van	Gang cầu GJS-500-7

❖ THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

DN	Cấp áp lực mặt bích	D (mm)	L (mm)	H (mm)	H1 (mm)	K (mm)	nxd1 (mm)	t (mm)	Số vòng mở hết van	Trọng lượng (Kg)
50	PN10	165	178	225	305	125	4x18	18	10	13
65	PN10	185	190	250	345	145	4x18	18	13	15
80	PN10	200	203	276	376	160	8x19	19	16	18
100	PN10	220	229	316	426	180	8x19	19	20	21
125	PN10	250	254	350	475	210	8x19	19	25	25
150	PN10	285	267	425	568	240	8x23	19	30	39
200	PN10	340	292	493	663	295	8x23	20	34	54
250	PN10	395	330	610	808	350	12x23	23	42	75
300	PN10	445	356	675	898	400	12x23	24.5	50	108